

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....

Bản án số:...../2018/HS-PT

Ngày 16/8/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

.....
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Huy Cường

Các Thẩm phán: Ông Phạm Năng Thành

Ông Vũ Quang Huy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 431/2018/TLPT-HS ngày 11 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo: Nguyễn N. S. do có kháng cáo của bị cáo.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn N. S., sinh ngày 19/4/1995 tại tỉnh P; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu 6, xã T, huyện T, tỉnh P; Giới tính: nam; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Văn H. và bà Nguyễn Thị Hồng T. ; Danh chỉ bản số 000000001, lập ngày 12/12/2017 tại Công an quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội; Tiền án, tiền sự: không; Biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại; Có mặt.

- Trong vụ án còn có bị cáo khác, bị hại, người có quyền nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo.

- Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn N. S. và đối tượng Nga (chưa rõ nhân thân lai lịch) có quan hệ tình cảm; Qua nói chuyện, S. biết khoảng cuối năm 2016, anh Nguyễn Văn S. (là bạn trai cũ của Nga) còn nợ Nga 35.000.000 đồng, hiện chưa trả. Ngày 14/11/2017, Nguyễn N. S. bảo Nga điện thoại nhờ anh Nguyễn Văn S. từ Bắc Ninh lên Hà Nội, đến lúc đó Nguyễn N. S. sẽ giữ anh Nguyễn Văn S. và bắt anh Nguyễn Văn S. phải điện thoại về gia đình lấy tiền trả nợ cho Nga; Nhưng anh S. không lên Hà Nội mà nhờ 3 người bạn của anh S. là anh Bùi Văn P., anh Nguyễn Văn N. và anh Nguyễn Văn H. lên đón Nga. Nguyễn N. S. nảy sinh ý định bắt giữ 3 người bạn của anh Nguyễn Văn S. để ép gọi điện về cho anh Nguyễn Văn S. phải lên Hà Nội. Đến 21 giờ cùng ngày, tại số 5 ngách 16/50

Đỗ Xuân Hợp, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội, Nguyễn N. S. gọi cho Cán Xuân T. và Lâm Quang H. đến nói chuyện và thống nhất với T. và H. về việc bắt giữ 3 người bạn của anh Nguyễn Văn S., T. và H. đồng ý.

Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, anh Bùi Văn P., anh Nguyễn Văn Ngọc và anh Nguyễn Văn H. đến và điện thoại cho Nga xuống đón anh N. và H. lên phòng rồi Nga bỏ đi, còn P. đứng bên dưới đợi. Thấy vậy, bị cáo S. bảo H. để S. đi theo 2 người lên trước còn H. đứng lại chờ lấy bắt nốt P. lên phòng. Bị cáo S. đi từ phía sau lên quất “Hai thằng này vào đây làm gì, định ăn trộm à?”. T. từ trên tầng 4 chạy xuống, chị Trần Thị Thu Hà (là bạn cùng phòng trọ với Nga) từ trong nhà vệ sinh đi ra. S. bắt N. và H. đi vào trong phòng và quỳ xuống nền gạch giữa nhà rồi bảo Hà lấy điện thoại Iphone 6s plus của Nga ở giường treo vào cổ anh N. sau đó Hà bỏ đi. H. bắt anh P. từ dưới lên phòng trọ của Nga tại tầng 3, khi dẫn P. lên đến phòng trọ thì S. bắt anh P. cùng quỳ xuống nền nhà với anh N. và H. rồi dùng chân trái đá 01 phút vào mặt của anh P. làm chảy máu mũi. Các anh N., H. và P. xin lỗi và xin cho về nhưng S. không đồng ý mà bắt phải gọi điện thoại cho anh Nguyễn Văn S. để anh S. lên thì mới đồng ý cho về. Nguyễn N. S. dùng dao (dài 60cm) dìm vào cổ anh N. bắt phải gọi điện thoại cho anh Nguyễn Văn S.. Trong quá trình nói chuyện nhiều lần các anh N., H. và P. xin S. cho họ ra về nhưng S. không đồng ý. Đến gần 23 giờ 36 phút cùng ngày, Nguyễn N. S. đã sử dụng điện thoại Iphone 5 lắp sim số 0965481909 gọi điện đến số điện thoại 024.37965178 của Công an phường Mỹ Đình 1 trình báo với nội dung: có 3 người vào phòng trọ của S. tại địa chỉ số 5 ngách 16/50 Đỗ Xuân Hợp trộm cắp điện thoại của S.. Công an phường đã mời những người liên quan về trụ sở để xác minh làm rõ. Sau khi trình báo, S. đã tự ý bỏ đi không làm việc. Công an phường xác minh ghi lời khai Cán Xuân T. và những người liên quan xác định không có sự việc N., H. và P. vào phòng trọ trộm cắp tài sản.

Ngày 16/11/2017, Nguyễn N. S. đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Nam Từ Liêm đầu thú.

Vật chứng thu giữ: Thu giữ của Nguyễn N. S.: 01 điện thoại di động Iphone 5; Thu giữ của anh Nguyễn Văn N.: 01 điện thoại Iphone 6s Plus, 01 dao dài 60cm.

Cán Xuân T. và Lâm Quang H. không vu khống cho anh N., anh H. và anh P. nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Nam Từ Liêm không có căn cứ xử lý T., H. về hành vi vu khống.

Bị hại là Anh Bùi Văn P. bị Nguyễn N. S. đánh chảy máu mũi, anh P. có đơn xin từ chối giám định thương tích, không yêu cầu gì về dân sự.

Đối với chị Trần Thị Thu Hà do không bàn bạc, không biết mục đích phạm tội của Nguyễn N. S. do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Nam Từ Liêm không xem xét xử lý.

Đối với đối tượng Nga, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Nam Từ Liêm đã xác minh nhưng không rõ nhân thân lai lịch nên không có căn cứ xử lý.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 113/2018/HS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2018, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội đã quyết định:

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn N. S. phạm tội "Bắt giữ người trái pháp luật" và tội "Vu khống".

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm c khoản 2 Điều 156; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự năm

2015 ; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt : Nguyễn N. S. 18 (mười tám) tháng tù về tội Bất giữ người trái pháp luật ; 15 (mười lăm) tháng tù về tội Vu khống. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 33 (ba ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với bị cáo khác, về xử lý vật chứng, về án phí về quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12 tháng 5 năm 2018, bị cáo Nguyễn N. S. có đơn kháng cáo xin giảm án và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo giữ nguyên kháng cáo; khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan điều tra; Ăn năn hối cải về hành vi của mình; xin được giảm án và cải tạo ngoài xã hội.

- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa để biểu quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về hình thức : Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

+ Về nội dung : Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo ; Giảm hình phạt cho bị cáo ; Xử phạt bị cáo 15 tháng tù về tội Bất giữ người trái pháp luật, 12 tháng tù về tội Vu khống, tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành chung cho hai tội là 27 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn N. S. kháng cáo trong hạn Luật định nên hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Căn cứ lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 14/11/2017, Nguyễn N. S. bảo Nga (là bạn gái của S.) gọi điện cho anh Nguyễn Văn S. (là bạn trai cũ của Nga) đến số 5 ngách 16/50 Đỗ Xuân Hợp, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội để S. yêu cầu anh Nguyễn Văn S. trả nợ Nga; Anh Nguyễn Văn S. không lên Hà Nội mà nhờ anh Bùi Văn P., anh Nguyễn Văn N. và anh Nguyễn Văn H. lên đón Nga. Nguyễn N. S. nảy sinh ý định bắt giữ anh P., anh N., anh H. để ép gọi điện về cho anh Nguyễn Văn S. phải lên Hà Nội, do vậy Nguyễn N. S. đã gọi, bàn bạc và phân công nhiệm vụ cho Cẩm Xuân T. và Lâm Quang H. cùng bắt giữ anh P., anh N., anh H..

Đến tối cùng ngày, anh P., anh N., anh H. đến số 5 ngách 16/50 Đỗ Xuân Hợp, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội đón Nga; anh N. anh H. lên phòng, anh P. đứng dưới đợi. Thấy vậy, bị cáo S. bảo H. để S. đi theo 2 người lên trước còn H. đứng lại chờ bắt nốt P. lên phòng. Bị cáo S. đi từ phía sau lên quát “Hai thằng này vào đây làm gì, định ăn trộm à?” sau đó bắt anh N., anh H. đi vào trong phòng và quỳ xuống nền

gạch giữa nhà Ngay lúc đó H. bắt anh P. từ dưới lên phòng trọ, khi dẫn P. lên đến phòng trọ thì S. bắt anh P. cùng quỳ xuống nền nhà với anh N., anh H. rồi dùng chân trái đá 01 phát vào mặt của anh P.. Các anh N., H. và P. xin S. cho về, nhưng S. không đồng ý và dùng dao (dài 60cm) dìm vào cổ anh N. bắt phải gọi điện thoại cho anh Nguyễn Văn S. thì mới cho về; Đến gần 23 giờ 36 phút cùng ngày, Nguyễn N. S. đã sử dụng điện thoại gọi đến Công an phường Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội trình báo với nội dung: có 3 người vào phòng trọ của S. tại địa chỉ số 5 ngách 16/50 Đỗ Xuân Hợp, Mỹ Đình 1, nam Từ Liêm, Hà Nội trộm cắp điện thoại của S.. Công an phường đã mời những người liên quan về trụ sở để xác minh làm rõ. Sau khi trình báo, S. đã tự ý bỏ đi không làm việc. Công an phường xác minh ghi lời khai Cán Xuân T. và những người liên quan xác định không có sự việc N., H. và P. vào phòng trọ trộm cắp tài sản.

Với hành vi nêu trên của Nguyễn N. S., Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn N. S. về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999 và tội Vu khống theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 156 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi của bị cáo bắt giữ người trái pháp luật là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền tự do thân thể của công dân được pháp luật bảo vệ; Hành vi Vu khống của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến nhân phẩm, danh dự và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác. Do đó cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mới đảm bảo việc giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

Nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự;

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm: bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải và đầu thú là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng vai trò đồng phạm đối với bị cáo S. có vai trò chủ chốt, trực tiếp khởi xướng, phân công nhiệm vụ cho T. và H. cùng phạm tội; Cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo S.; Áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt mức án đối với bị cáo là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, không có tình tiết mới giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

II. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn N. S.; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Nguyễn N. S. phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và tội “Vu khống”.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm c khoản 2 Điều 156; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn N. S. 18 (mười tám) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”, 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Vu khống”, tổng hợp hình phạt Nguyễn N. S. phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 33 (ba mươi ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

III. Về án phí Áp dụng Điều 136 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu 200.000 đồng - án phí hình sự phúc thẩm.

IV. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

V. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi gửi:

- Viện kiểm sát NDTP Hà Nội;
- Tòa án ND quận Hoàn Kiếm;
- Viện kiểm sát ND quận Hoàn Kiếm;
- Công an quận Hoàn Kiếm;
- Chi cục thi hành án DS quận Hoàn Kiếm;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Phan Huy Cường

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 14 phút, ngày tháng 8 năm 2018;

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Huy Cường

Thẩm phán: Ông Phạm Năng Thành

Ông Vũ Quang Huy

Tiến hành nghị án vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 431/2018/TLPT-HS ngày 11 tháng 7 năm 2018 đối với:

Bị cáo Nguyễn N. S., sinh năm 1995 tại tỉnh Phú Thọ đã bị Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm xử phạt 18 tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” theo điểm đ khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999; 15 tháng tù về tội “Vu khống” theo điểm c khoản 2 Điều 156 Bộ luật hình sự năm 2015; Tổng hợp hình phạt chung của hai tội bị cáo phải chấp hành là 33 tháng tù

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn N. S.; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Nguyễn N. S. phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và tội “Vu khống”.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm c khoản 2 Điều 156; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn N. S. 18 (mười tám) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”, 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Vu khống”, tổng hợp hình phạt Nguyễn N. S. phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 33 (ba mươi ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Sửa bản án sơ thẩm; Giảm hình phạt cho bị cáo:

(Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3; không đồng ý: Không).

2. Về án phí Áp dụng Điều 136 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu 200.000 đồng - án phí hình sự phúc thẩm.

(Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3; không đồng ý: Không).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đối với bị cáo khác, bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; Về xử lý vật chứng; Án phí nh
sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày
hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị; Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày
tuyên án.

(Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3; không đồng ý: Không).

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét
xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA